TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NAM GIANG** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2017/HSST
Ngày 21/6/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM GIANG, TỈNH QUẢNG NAM
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông: Lê Xuân Tri.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: ALăng Vượt.

Nghề nghiệp: Hưu trí.

Nơi công tác: Hội nạn nhân chất độc da cam huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam.

2. Ông: BHát Châu.

Nghề nghiệp: Cán bộ.

Nơi công tác: Hội Nông dân Huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà: Nguyễn Thị Nhân, cán bộ Tòa án nhân dân huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa:

Ông: Mai Xuân Đáp. Kiểm sát viên.

Hôm nay vào lúc 07 giờ 00 ngày 21 tháng 6 năm 2017 tại sân Ủy ban nhân dân xã Zuôich, Tòa án nhân dân huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam mở phiên tòa lưu động xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 05/2017/HSST ngày 26 tháng 5 năm 2017 đối với bị cáo:

Tơ Ngôl Đ; tên gọi khác không có; sinh ngày 13 tháng 3 năm 1985 tại thôn C, xã Z, huyện N, tỉnh Quảng Nam; nơi đăng ký thường trú tại thôn C, xã Z, huyện N, tỉnh Q; nghề nghiệp trước khi bị bắt tạm giam là làm rẫy; trình độ văn hóa lớp 12/12; con ông Tơ Ngôl O và bà ALăng Đ (cả hai người đều đã chết); có vợ tên là Bhnước Ê và 03 con, lớn 09 tuổi và nhỏ 01 tuổi; tiền sự không có; tiền án không có; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 11 tháng 4 năm 2017.

Về nhân thân: Ngày 07 tháng 3 năm 2012 Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Nam Giang, phạt bị cáo 06 (sáu) tháng tù về "Tội hủy hoại và cố ý làm hư hỏng tài sản". Bị cáo đã chấp hành xong các bản án và được xóa án tích.

Bị cáo có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo:

Ông: Lương Đình Nam, là Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

Người bị hại:

Ông: ALăng Ấ; sinh ngày 17 tháng 5 năm 1991; trú tại thôn Công Dồn, xã Zuôich, huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông: Nguyễn Văn T; sinh năm 1978; trú tại thôn A Bát, xã Chà Vàl, huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

2. Bà: Nguyễn Thị H; sinh năm 1981; trú tại thôn A Bát, xã Chà Vàl, huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

3. Bà: Bhnướch Ê; sinh năm 1988; trú tại thôn Công Dồn, xã Zuôich, huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

NHẬN THẤY

Bị cáo Tơ Ngôl Đ bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam truy tố về hành vi thực hiện như sau: Khoảng 24 giờ 00 ngày 07 tháng 4 năm 2017 trên đường đi thăm bẫy Nhím về đến cầu C, thuộc địa phận thôn C, xã Z, huyện N, tỉnh Quảng Nam; qua ánh sáng đèn pin bị cáo đeo trên đầu, bị cáo nhìn thấy có 01 (một) con bò cột bên phải đường. Bị cáo nảy sinh ý đồ trộm con bò giết lấy thịt để bán. Bị cáo dừng xe mô tô biển số 92B1 - 1103 đang điều khiển, rồi đi đến vị trí con bò đang cột, mở dây dắt con bò đi qua bên trái đường rồi rẽ vào đường mòn cách cầu Công Dồn khoảng 80 (tám mươi) mét thì dừng lại. Bị cáo quấn dây cột bò quanh cổ con bò cho dây ngắn lại và cột con bò vào cây rừng, sau đó bị cáo lấy cây súng tự chế bắn 01 (một) phát vào giữa trán con bò, làm cho con bò chết. Bị cáo dùng dao cắt mổ thịt 02 (hai) đùi sau, đùi trước bên trái và thịt thăn 02 (hai) bên xương sống của con bò. Nhận thấy thịt đã nhiều, bị cáo dừng lại gom xương chân bò để sát tảng đá và lấy da đắp lên thân con bò, sau đó bị cáo lấy thịt bò bỏ vào 02 (hai) cái bao tải màu xanh và lần lượt vác 02 (hai) bao thịt ra để lên xe mô tô. Bị cáo xuống khe suối để tắm và lấy vỏ đạn ra khỏi súng vứt xuống khe suối, sau đó bị cáo điều khiển xe mô tô chở thịt bò ra xã C. Khoảng 04 giờ 00 ngày 08 tháng 4 năm 2017, khi đến thôn A , xã C, huyện N, tỉnh Quảng Nam, bị cáo giấu súng tự chế tại bụi cây ven đường và đi đến nhà ông Nguyễn Văn T, gọi ông T dậy nhờ bán thịt giúp. Ông T hỏi thịt bò của ai, bị cáo trả lời bị cáo làm thịt con bò của bị cáo. Ông T điều khiển xe mô tô của bị cáo chở thịt bò đến nhà bà Nguyễn Thị H cùng trú thôn A để bán. Bà H cân được 36 (ba mươi sáu) kg thịt bò và đồng ý mua giá 125.000 đồng/01 kg thịt. Ông T đem số tiền 4.500.000 (bốn triệu năm trăm nghìn) đồng và 02 (hai) cái bao tải về giao cho bị cáo nhưng bị cáo chỉ lấy tiền mà không lấy 02 (hai) cái bao tải. Bị cáo đưa cho ông T 400.000 (bốn trăm nghìn) đồng tiền công nhưng ông T chỉ lấy 100.000 (một trăm nghìn) đồng vì cho rằng đi bán giúp. Sau đó, bị cáo điều khiển xe môt tô đi lấy cây súng tự chế giấu trước đó rồi đi về nhà. Sáng ngày 08 tháng 4 năm 2017, ông ALăng Ấ nghe tin bò bị giết, nên ông Ấ đi tìm và phát hiện con bò bị giết lấy thịt. Ông Ấ được nhận phần còn lại của con bò đem về sử dụng. Ngày 11 tháng 4 năm 2017 bị cáo bị công an huyện N bắt giữ.

Vật chứng thu giữ là 01 (một) khẩu súng tự chế bắn đạn thể thao có chiều dài 85 (tám mươi lăm) cm; 01 (một) con dao nhọn dài 37 (ba mươi bảy) cm; số

tiền 1.000.000 (một triệu) đồng; 01 (một) chiếc xe mô tô màu xanh biển số 92B1 - 1103.

Cơ quan điều tra cũng truy tìm 02 (hai) cái bao tải bị cáo dùng đựng thịt bò mà ông T bỏ vào hố rác; 01 (một) sợi dây dù cột con bò; 01 (một) khoen kim loại xâu mũi con bò và 01(một) cái đèn pin bị cáo dùng để trộm bò và mổ thịt bò nhưng không thu hồi được.

Kết luận giám định của Hội đồng giám định vũ khí - vật liệu nổ Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Quảng Nam thì khẩu súng của bị cáo sử dụng là loại súng tự chế, hoạt động tương tự súng quân dụng bắn phát một, dùng loại đạn thể thao cỡ 5,6mm. Hiện tại khẩu súng còn hoạt động được; đồng thời Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự kết luận con bò đực có 02 (hai) sừng; mỗi sừng dài khoảng 15 (mười lăm) cm, loại bò cỏ hơn 04 (bốn) năm tuổi, có giá trị 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng.

Quá trình điều tra, gia đình bị cáo đã thỏa thuận bồi thường cho người bị hại số tiền 17.000.000 (mười bảy triệu) đồng; ngoài ra người bị hại còn yêu cầu bị cáo trả thêm số tiền 1.000.000 (một triệu) đồng đang tạm giữ; đồng thời người bị hại có đơn xin không xử lý bị cáo trước pháp luật và sau này không có yêu cầu gì. Ngoài ra, Cơ quan điều tra cũng xác định ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị H không biết thịt bò của bị cáo do trộm cắp mà có; nên không xem xét trách nhiệm hai người này.

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, lời khai của người tham gia tố tụng khác; cũng như vật chứng và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Tại bản Cáo trạng số 06/CT-VKS ngày 26 tháng 5 năm 2017 Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam đã truy tố bị cáo Tơ Ngôl Đ về Tội trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự (sau đây viết tắt là BLHS) năm 1999. Tại phiên tòa; đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Giang trong phần tranh luận xác định lại hành vi phạm tội của bị cáo, đánh giá tính chất, hậu quả của hành vi, đặc điểm nhân thân của bị cáo, yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm và giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo về Tội trộm cắp tài sản; đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, p, g khoản 1 và khoản 2 Điều 46 của BLHS năm 1999 và điểm x khoản 1 Điều 51 của BLHS năm 2015, xử phạt bị cáo từ 06 (sáu) tháng tù đến 09 (chín) tháng tù.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày ý kiến bào chữa thống nhất tội danh Viện kiểm sát truy tố và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà Kiểm sát viên đề nghị áp dụng đối với bị cáo. Người bào chữa phân tích nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội của bị cáo một phần do chủ quan của người bị hại trong việc quản lý tài sản của mình; đồng thời trên cơ sở đánh giá các tình tiết vụ án, ý kiến của người bị hại, người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tinh thần quy định tại khoản 3 Điều 29 của BLHS năm 2015 để xem xét khoan hồng và áp dụng Điều 60 của BLHS năm 1999 đối với bị cáo.

Bị cáo đồng ý với lời bào chữa của người bào chữa và có bổ sung ý kiến bào chữa, cho rằng bị cáo phạm tội vô tình và do cuộc sống của bị cáo có áp lực và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, người bào chữa và người tham gia tố tụng khác,

XÉT THẤY

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy: Khoảng 24 giờ 00 ngày 07 tháng 4 năm 2017, trên đường đi thăm bẫy Nhím về đến cầu C, thuộc địa phận thôn C, xã Z, huyện N, tỉnh Quảng Nam, qua ánh sáng đèn pin bị cáo đeo trên đầu, bị cáo Tơ Ngôl Đ nhìn thấy có 01 (một) con bò cột bên phải đường, bị cáo nảy sinh ý đồ trộm con bò để giết lấy thịt đem bán lấy tiền. Bị cáo dừng xe mô tô biển số 92B1 - 1103 đang điều khiển rồi đi đến vị trí con bò được cột; bị cáo mở dây dắt bò đi vào đường mòn cách cầu C khoảng 80 (tám mươi) mét và dùng súng tự chế bắn chết con bò, sau đó bị cáo dùng dao xẻ lấy một số phần thịt con bò đem đi nhờ ông Nguyễn Văn T bán cho bà Nguyễn Thị H cân được 36 (ba mươi sáu) kg, giá bán là 4.500.000 (bốn triệu năm trăm nghìn) đồng. Bị cáo tiêu xài số tiền bán thịt bò, còn lại 1.000.000 (một triệu) đồng đang bị thu giữ. Như vậy, bị cáo Tơ Ngôl Đ đã có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác. Con bò được xác định là của ông ALăng Ấ. Theo kết luận ngày 08 tháng 4 năm 2017 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thì giá trị con bò là 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng. Do đó, bị cáo Tơ Ngôl Đ phạm vào Tội trộm cắp tài sản. Tội phạm và hình phạt được qui định tại khoản 1 Điều 138 của BLHS năm 1999 như Cáo trạng truy tố và luận tội của Kiểm sát viên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Xét tính chất vụ án thì chế độ sở hữu được Nhà nước bảo vệ và yêu cầu mọi người phải tôn trọng, bị cáo Tơ Ngôl Đ đã có hành vi trộm cắp tài sản. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm tài sản của người khác và làm mất trật tự xã hội.

Xét về ý kiến của người bào chữa, Hội đồng xét xử nhận thấy rằng nuôi thả rông gia súc là tập quán thực tế vẫn còn tồn tại ở huyện miền núi N, bị cáo là người dân tộc thiểu số trong địa bàn nên hiểu rõ điều này và khi phát hiện có con bò đang cột vào gốc cây, bị cáo biết đây là bò có chủ, không phải là bò thả rông; liên hệ hoàn cảnh khó khăn của bị cáo, bị cáo biết rằng đồng bào dân tộc, phải vất vả, chắt chiu mới có được con bò, tuy nhiên bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi trộm cắp con bò nhằm mục đích để bán lấy tiền tiêu xài; đồng thời Hội đồng xét xử nhận thấy bị cáo phạm tội tuy thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nhưng không phải là lần đầu phạm tội; cho nên mặc dầu người bị hại có đơn bãi nại đề nghị không xử lý bị cáo; thì đó chỉ là căn cứ để Hội đồng xét xử có thể xem xét.

Xét về ý kiến của bị cáo cho rằng nguyên nhân phạm tội là do bị cáo bị áp lực trong cuộc sống, tuy nhiên Hội đồng xét xử thấy bị cáo khai tại phiên tòa; thì trước đó vì có những áp lực trong cuộc sống, bị cáo đã yêu cầu cơ quan trợ giúp pháp lý nhà nước tư vấn pháp lý cho bị cáo và bị cáo đã nhận được hướng dẫn cách thức giải quyết áp lực đúng pháp luật nhưng bị cáo không theo nội dung hướng dẫn phù hợp đó; mà lại cố ý chọn hướng xử lý trái pháp luật, do đó, bị cáo phải chịu trách nhiệm về hành vi của mình.

Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử thấy rằng bị cáo đã bồi thường thiệt hại cho người bị hại, tài sản bị trộm giá trị không lớn, có thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tại phiên tòa bị cáo xin lỗi người bị hại, bị cáo là con của người có công với cách mạng, cha bị cáo được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhất, tại phiên tòa bị cáo còn khai mẹ bị cáo được tặng Bằng khen về thành tích trong cuộc kháng chiến, bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; ngoài ra, trong hồ sơ và tại phiên tòa bị cáo khai hoàn cảnh gia đình bị cáo rất khó khăn, thuộc hộ nghèo, bị cáo là lao động chính chủ yếu của gia đình có 03 con chưa thành niên, vợ bị cáo đang mang thai, bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng đặc biệt khó khăn, nhận thức đơn giản, người bị hại có đơn xin không xử lý bị cáo trước pháp luật và xin giảm nhẹ cho bị cáo, ông nội bị cáo có công với nước được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhất, do đó, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, g, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 của BLHS năm 1999 và theo Nghị quyết số 144/2016/QH13 ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7 của BLHS năm 2015 áp dụng theo hướng có lợi; nên bị cáo còn được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm x khoản 1 Điều 51 của BLHS năm 2015 như ý kiến của Kiểm sát viên đề nghị áp dụng đối với bị cáo là đúng pháp luật và phù hợp với diễn biến của vụ án.

Xét bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiện hình sự và có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên, căn cứ tính chất hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo có án tích và đã được xóa án tích nhưng không phải là có nhân thân tốt; nên phải áp dụng loại hình phạt tù có thời hạn và xử phạt bị cáo mức khởi điểm của loại hình phạt tù có thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 138 của BLHS năm 1999 mới có tác dụng giáo dục, phòng ngừa chung.

Xét về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 6 Điều 138 của BLHS năm 1999 thì "Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng", do đó, bị cáo Tơ Ngôl Đ có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa thì bị cáo là người dân lao động sống dựa vào nương rẫy và tự nhiên, thu nhập không ổn định, gia đình bị cáo thuộc hộ nghèo, cuộc sống khó khăn. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là tiền đối với bị cáo.

Xét về vật chứng của vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng Cơ quan điều tra đã truy tìm một số vật chứng nhưng không thu hồi được, do đó, Hội đồng xét xử không xem xét những trường hợp này. Đối với vật chứng đang tạm giữ là công cụ và phương tiện phạm tội gồm có 01 (một) khẩu súng tự chế bắn đạn thể thao có chiều dài 85 (tám mươi lăm) cm thì đã được Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Giang quyết định chuyển giao đến Đội quản lý hành chính Công an huyện Nam Giang xử lý theo thẩm quyền; còn 01 (một) con dao nhọn dài 37cm không có giá trị sử dụng thì căn cứ điểm a khoản 2 Điều 76 của Bộ luật Tố tụng Hình sự (sau đây viết tắt là BLTTHS) năm 2003 để tịch thu tiêu hủy; riêng 01 (một) chiếc xe mô tô biển số 92B1 - 1103 được xác định là là tài sản chung của vợ chồng bị cáo, bị cáo sử dụng trái phép; nên căn cứ vào Điều 41 của BLHS năm 1999; khoản 2 Điều 76 của BLTTHS năm 2003 và Điều 111 của Bộ luật Dân sự (say đây viết lắt là BLDS) năm 2015 chỉ tịch thu sung quỹ nhà nước 1/2 giá trị chiếc xe mô tô và trả

lại 1/2 giá trị chiếc xe mô tô phần tài sản thuộc sở hữu của vợ bị cáo là bà Bhnước Êm.

Xét về trách nhiệm dân sự và bồi thường thiệt hại, thì quá trình điều tra gia đình bị cáo đã thỏa thuận bồi thường cho người bị hại số tiền 17.000.000 (mười bảy triệu) đồng; ngoài ra, người bị hại còn yêu cầu bị cáo trả thêm số tiền 1.000.000 (một triệu) đồng đang bị tạm giữ. Bị cáo thống nhất theo yêu cầu của người bị hại; nên Hội đồng xét xử tôn trọng sự thỏa thuận của các đương sự.

Xét về trường hợp ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị H, Cơ quan điều tra không xem xét trách nhiệm pháp lý vì xác định hai người này không biết thịt bò của bị cáo do trộm cắp mà có; nên thấy phù hợp.

Xét về án phí, căn cứ Điều 99 của BLTTHS năm 2003 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội (sau đây viết tắt là UBTVQH), người bị kết án phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Tuy nhiên, bị cáo thuộc hộ nghèo, có Ủy ban nhân dân nơi thường trú xác nhận và bị cáo có đơn đề nghị miễn nộp án phí, do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 12; Điều 14 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTVQH để miễn tiền án phí cho bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo Tơ Ngôl Đ phạm vào Tội trộm cắp tài sản.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, g, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 của BLHS năm 1999; điểm x khoản 1 Điều 51 của BLHS năm 2015 đối với bị cáo,

Xử phạt bị cáo Tơ Ngôl Đ 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 11 tháng 4 năm 2017.

2. Xử lý vật chứng:

Căn cứ Điều 41 của BLHS năm 1999 và Điều 76 của BLTTHS năm 2003; Điều 111 của là BLDS năm 2015 tịch thu:

-Tiêu hủy 01 (một) con dao nhọn dài 37cm không có giá trị sử dụng.

-Sung quỹ Nhà nước 1/2 giá trị 01 (một) chiếc xe mô tô biển số 92B1 - 1103 và trả cho bà Bhnước Ê 1/2 giá trị chiếc 01 (một) chiếc xe mô tô biển số 92B1 - 1103 (Chiếc xe mô tô biển số 92B1 - 1103 không có giấy đăng ký mô tô, xe máy).

-Đồng thời trả cho ông ALăng Ấ số tiền 1.000.000 (một triệu) đồng đang tạm giữ của bị cáo.

(Vật chứng được Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Giang có Quyết định số: 02/QĐ-VKS ngày 22 tháng 5 năm 2017 chuyển và Cơ quan điều tra đã chuyển 01 (một) con dao; 01 (một) xe mô tô 92B1 - 1103 và số tiền 1.000.000 (một triệu) đồng đến Chi cục thi hành án dân sự huyện Nam Giang tại biên bản lập ngày 22 tháng 5 năm 2017)

3. Án phí:

Căn cứ Điều 12 và Điều 14 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTVQH, bị cáo Tơ Ngôl Đ không phải nộp án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo và các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng

cáo tính từ ngày được nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
-Các cơ quan tiến hành tố tụng;
-Người tham gia tố tụng;
-Công an Quảng Nam (PV27);
-Sở Tư pháp Quảng Nam (Bộ phận lý lịch tư pháp);
-Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Lê Xuân Tri

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NAM GIANG
TỈNH QUẢNG NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM GIANG, TỈNH QUẢNG NAM
Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông: Lê Xuân Tri.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông: ALăng Vượt; ông: BHát Châu.

Căn cứ vào Điều 199 và Điều 222 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2003;

Vào hồi 10 giờ 00 phút ngày 21 tháng 6 năm 2017, tại phòng nghị án, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tiến hành nghị án đối với vụ án bị cáo Tơ Ngôl Đoóch bị truy tố và xét xử về Tội trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự (sau đây viết tắt là BLHS) năm 1999.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, người bào chữa và người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa; Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề phải giải quyết trong vụ án như sau:

1.Về tội danh: Bị cáo Tơ Ngôl Đoóch phạm vào Tội trộm cắp tài sản; tài sản thuộc sở hữu của công dân.

Kết quả biểu quyết: Thống nhất ý kiến 3/3 phiếu.

2.Về điều luật áp dụng: Áp dụng theo khoản 1 Điều 138 của BLHS năm 1999.

Kết quả biểu quyết: Thống nhất ý kiến 3/3 phiếu.

3. Về mức hình phạt: Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nhưng xem xét đặc điểm nhân thân của bị cáo và yêu cầu đấu tranh phòng chống loại tội này nên áp dụng loại hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo mới có tác dụng giáo dục, phòng ngừa.

Kết quả biểu quyết: Thống nhất ý kiến 3/3 phiếu.

Xử phạt bị cáo Tơ Ngôl Đoóch 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 11 tháng 4 năm 2017.

Kết quả biểu quyết: Thống nhất ý kiến 3/3 phiếu.

Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là tiền đối với bị cáo.

Kết quả biểu quyết: Thống nhất ý kiến 3/3 phiếu.

4.Về các vấn đề khác:

+Về tình tiết tăng nặng:

-Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Kết quả biểu quyết: Thống nhất ý kiến 3/3 phiếu.

+Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự sau đây: Bị cáo đã khắc phục hậu quả cho bị hại, tài sản bị trộm giá trị không lớn, có khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, tại phiên tòa xin lỗi người bị hại. Các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm b, g, p khoản 1 Điều 46 của BLHS năm 2003 và theo Nghị quyết số 144/2016/QH13 ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7 của BLHS năm 2015, bị cáo còn được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo là con của người có công với cách mạng, cha bị cáo được tặng thưởng Huân chương kháng chiến

hạng nhất, mẹ bị cáo được tặng Bằng khen trong cuộc kháng chiến; quy định tại điểm x khoản 1 Điều 51 của BLHS năm 2015.

Kết quả biểu quyết: Thống nhất ý kiến 3/3 phiếu.

Ngoài ra trong hồ sơ và tại phiên tòa bị cáo khai hoàn cảnh gia đình bị cáo rất khó khăn thuộc hộ nghèo, bị cáo là lao động chính chủ yếu của gia đình có 03 con chưa thành niên, vợ bị cáo đang mang thai, bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng đặc biệt khó khăn, nhận thức đơn giản, ông nội bị cáo có công với nước được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhất, người bị hại có đơn xin không xử lý bị cáo trước pháp luật và xin giảm nhẹ cho bị cáo, bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; nên xem đây là tình tiết giảm nhẹ khác theo quy định tại khoản 2 Điều 46 của BLHS năm 1999 đối với bị cáo.

Kết quả biểu quyết: Thống nhất ý kiến 3/3 phiếu.

+Về nhân thân: Tuy bị cáo được xóa án tích nhưng nhân thân bị cáo xấu.

Kết quả biểu quyết: Thống nhất ý kiến 3/3 phiếu.

+Về xử lý vật chứng:

-Tiêu hủy 01 (một) con dao nhọn dài 37cm không có giá trị sử dụng.

Kết quả biểu quyết: Thống nhất ý kiến 3/3 phiếu.

-Sung quỹ Nhà nước 1/2 giá trị của 01 (một) chiếc xe mô tô biển số 92B1 - 1103 và trả cho bà Bhnước Êm 1/2 giá trị của 01 (một) chiếc xe mô tô biển số 92B1 - 1103 (xe không có giấy tờ nguồn gốc).

Kết quả biểu quyết: Thống nhất ý kiến 3/3 phiếu.

+Về trách nhiệm dân sự và bồi thường thiệt hại: Quá trình điều tra gia đình bị cáo đã thỏa thuận bồi thường cho bị hại số tiền 17.000.000 (mười bảy triệu) đồng; ngoài ra bị hại còn yêu cầu bị cáo trả thêm số tiền 1.000.000 (một triệu) đồng đang bị tạm giữ. Bị cáo thống nhất theo yêu cầu của bị hại; nên tôn trọng sự thỏa thuận của các đương sự.

Kết quả biểu quyết: Thống nhất ý kiến 3/3 phiếu.

+Về trường hợp của ông Nguyễn Văn Tư và bà Nguyễn Thị Hằng, Cơ quan điều tra không xem xét trách nhiệm pháp lý vì xác định hai người này không biết thịt bò của bị cáo do trộm cắp mà có; nên thấy phù hợp.

Kết quả biểu quyết: Thống nhất ý kiến 3/3 phiếu.

+Về án phí: Bị cáo Tơ Ngôl Đoóch không phải nộp án phí hình sự sơ thẩm.

Kết quả biểu quyết: Thống nhất ý kiến 3/3 phiếu.

Các thành viên Hội đồng xét xử thống nhất ý kiến 3/3 phiếu thông qua toàn văn bản án và biên bản nghị án.

Nghị án kết thúc lúc 10 giờ 45 phút cùng ngày.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa**